

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUỲNH PHỤ  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST

Ngày 05 tháng 02 năm 2021

*V/v tranh chấp hôn nhân gia đình*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Phụng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đỗ Đức Nhân

2. Bà Nguyễn Thị Huệ

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hiền- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXX-ST ngày 20/01/2021 giữa các đương sự:

**-Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1980

Địa chỉ: Tổ 3X, thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

**- Bị đơn:** Anh Trần Văn Th, sinh năm 1979

Địa chỉ: Tổ 3X, thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Chị N, anh Th có mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại phiên tòa như sau:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Trần Văn Th do tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 02/3/2001. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình anh Th ở Tổ 3X, thị trấn A, huyện Q. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Th không tu chí làm ăn, hay rượu chè

rồi về chửi bới, đánh đập vợ con, hay buông lời chê bai chị. Đã nhiều lần chị tha thứ nhưng anh Th không sửa đổi. Từ tháng 5 năm 2020, chị N về nhà mẹ đẻ ở cùng tổ 3X, thị trấn A sinh sống đến tháng 10 năm 2020 vì nghĩ đến con, chị lại về nhà ở cùng anh Th khoảng 10 ngày nhưng do nhận thấy anh Th vẫn không thay đổi nên chị tiếp tục về nhà mẹ đẻ chị ở và ly thân với anh Th cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không mang lại hạnh phúc nên chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn Th.

Về con chung: Chị N trình bày, vợ chồng có 02 con chung là Trần Văn Th1, sinh ngày 23/12/2001 và Trần Văn V, sinh ngày 04/4/2003. Con Th1 đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con V chưa đủ 18 tuổi và đang sống cùng anh Th. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao Con V cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, chị không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh Th và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Hiện tại chị N không có thai nghén gì.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N trình bày, vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**- *Tại bản tự khai, các tài liệu chứng cứ đã xuất trình và tại phiên tòa, bị đơn là anh Trần Văn Th trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Về điều kiện, hoàn cảnh, thời gian kết hôn như chị N trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình nhà anh ở Tổ 3X, thị trấn A, huyện Q. Vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh có uống rượu dẫn tới xô xát, cãi nhau với gia đình bên vợ, anh thừa nhận có chửi và chê vợ, anh biết mình đã sai. Từ tháng 5 năm 2020 chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, sau đó đến tháng 10 năm 2020 chị N có về nhà 10 ngày rồi lại tiếp tục sang nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng ly thân, anh đã sửa chữa sai lầm, chịu khó làm ăn, anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để bảo ban con cái nên không đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh Th trình bày, vợ chồng có 02 con chung là Trần Văn Th1, sinh ngày 23/12/2001 và Trần Văn V, sinh ngày 04/4/2003. Con Th1 đã trưởng thành, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con V chưa đủ 18 tuổi và đang ở cùng anh. Nếu ly hôn xảy ra anh đề nghị Tòa án giao Con V cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu chị N phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Hiện nay anh làm nghề chạy xe ôm, có thu nhập và Con V cũng đã tự đi làm, điều kiện nhà cửa sinh hoạt cho con cái đều đảm bảo.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Th trình bày để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**- *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng:*** Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của

Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Trần Văn Th; về con chung: Đề nghị giao con chung Trần Văn V, sinh ngày 04/4/2003 cho anh Trần Văn Th trực tiếp nuôi dưỡng, anh Th không yêu cầu chị N phải góp tiền cấp dưỡng nuôi Con V, chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Đối với con Trần Văn Th1, sinh ngày 23/12/2001, đã trên 18 tuổi nên không đặt ra giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết; về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn Th là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Các đương sự đều có địa chỉ cư trú tại Tổ 3X, thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân, con chung của vợ chồng, vì vậy Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị N, anh Th được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không tìm được tiếng nói chung. Chị N đã về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 10 năm 2020 đến nay. Chị N cho rằng anh Th không chịu khó làm ăn, hay đánh chửi và chê bai chị còn anh Th cũng thừa nhận có sai lầm và khẳng định trong thời gian chị N về nhà đẻ ở anh đã cố gắng sửa đổi bản thân, mong chị N nghĩ lại để vợ chồng cùng đoàn tụ nuôi dạy con cái. Quá trình thụ lý, giải quyết, Tòa án đã kiên trì hòa giải, động viên để hai bên đoàn tụ song không có kết quả, chị N vẫn cương quyết đề nghị giải quyết ly hôn vì chị không còn niềm tin với anh Th. Do đó, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị N được ly hôn anh Th là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Văn Th1, sinh ngày 23/12/2001 và Trần Văn V, sinh ngày 04/4/2003. Con Trần Văn Th1 đã trưởng thành nên Tòa án không đặt ra giải quyết. Đối với con Trần Văn V, dù chưa đủ 18 tuổi song con đã tự đi làm, có thu nhập và đang sống cùng nhà với anh Th. Trường hợp ly hôn xảy ra, cả chị N, anh Th đều đề nghị Tòa án giao Con V cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi Con V và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Bản thân Con V cũng có nguyện vọng được ở cùng bố nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N, anh Th đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Trần Văn Th.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao anh Trần Văn Th trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Văn V, sinh ngày 04/4/2003, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh Th không yêu cầu chị N phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

Đối với con chung là Trần Văn Th1, sinh ngày 23/12/2001, đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động nên không đặt ra giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được đối trừ với tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0004678 ngày 05/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Chị N đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị N, anh Trần Văn Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05/02/2021)./.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- UBND thị trấn A, h. Q (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Phụng**





**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi giờ phút, ngày 06 tháng 9 năm 2019

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

Với hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phụng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Diệu

2. Phạm Hải Yến

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 167/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 06 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân gia đình giữa:

1. **Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị Dinh, sinh năm 1983.

Nơi ĐKKH: thôn Sơn Đồng, xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình; Chỗ ở hiện nay: thôn Bồ Trang I, xã Quỳnh Hoa, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

2. **Bị đơn:** Anh Đỗ Văn Hiệu, sinh năm 1979

Trú tại: thôn Sơn Đồng, xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật*

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,  
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

1. Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Kết quả biểu quyết 3/3*

2. Về hôn nhân: xử cho chị Vũ Thị Dinh và anh Đỗ Văn Hiệu được ly hôn.

*Kết quả biểu quyết 3/3*

3. Về con chung: Xử giao chị Vũ Thị Dinh trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Đỗ Văn Huy, sinh ngày 29/6/2005 và Đỗ Trâm Anh, sinh ngày 28/02/2014. Anh Đỗ Văn Hiệu phải có nghĩa vụ góp cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Vũ Thị Dinh số tiền

là 1.000.000 đồng/01 tháng/01 con kể từ tháng 09/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật.

Anh Đỗ Văn Hiệu có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung; Chị Vũ Thị Dinh và anh Đỗ Văn Hiệu có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

*Kết quả biểu quyết 3/3*

4 Về tài sản chung: Không đặt ra để giải quyết.

*Kết quả biểu quyết 3/3*

5. Về án phí: Chị Vũ Thị Dinh phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0000....ngày 25/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Chị Dinh đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Đỗ Văn Hiệu phải nộp 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

*Kết quả biểu quyết 3/3*

6. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án .

*Kết quả biểu quyết 3/3*

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 06 tháng 9 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Phụng**